

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	3 - 4
BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	5
THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	6 - 19



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**

Tầng 20, tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh,  
Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Noh Eun Woo	Chủ tịch
Ông Lee Jun Hyuck	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Dương	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Bà Chu Thị Lụa	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2023)
Ông Lee Jun Hyeob	Thành viên
Ông Kim Ji Yoon	Thành viên

**Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lee Jun Hyuck	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Thị Lan Phương	Kế toán trưởng

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư số 91/2020/TT-BTC ("Thông tư 91") ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.



Lee Jun Hyuck  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

1125  
ÔNG  
TINH  
M T C  
OIT  
T N.  
ĐA - 1

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước


**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

  
Đinh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng

  
Phan Thị Phương Thủy  
Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

  
Lee Jun Hyuck  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024



Số: 0546 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (gọi tắt là “Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính”) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 19. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91”) của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với Thông tư 91 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các quy định về lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại Thông tư 91 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

### *Chính sách lập báo cáo và giới hạn về đối tượng nhận và sử dụng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính*

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính mô tả chính sách lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính chủ yếu. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 91 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phạm Tuấn Linh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 3001-2024-001-1

Nguyễn Khương Duy

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số  
5063-2020-001-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 18 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


**BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

STT	Các chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2023
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	4	20.887.425.328
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	5	40.575.708.541
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	6	50.000.000.000
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)		111.463.133.869
5	Vốn khả dụng	7	1.413.340.915.939
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)		1.267,99%

  
Đinh Thị Lan Phương  
Kế toán trưởng

  
Phan Thị Phương Thủy  
Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ



  
Lee Jun Hyuck  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Pinetree (“Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán HFT, là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 10/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2003 với số vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VND và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 02 năm 2003 với mã số doanh nghiệp: 0101294902. Vốn điều lệ của Công ty được chấp thuận tăng lên 970.000.000.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 127/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 12 năm 2021 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được đăng ký thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 11 năm 2022.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, kinh doanh chứng khoán phái sinh và các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 20, Tòa nhà TNR, 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 108 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 95 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán; lưu ký chứng khoán; kinh doanh chứng khoán phái sinh và thực hiện các nghiệp vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật đối với công ty chứng khoán.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH, MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và mục đích sử dụng**

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập và trình bày phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC (“Thông tư 91”) ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính, biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày lập báo cáo. Báo cáo này chỉ được sử dụng để nộp cho các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này:

#### Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty được xác định theo quy định của Thông tư 91 như sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn} \\ \text{vốn khả dụng} = \frac{\text{Vốn khả dụng} \times 100\%}{\text{Tổng giá trị rủi ro}}$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

#### Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng chín mươi (90) ngày. Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng thêm hoặc giảm trừ theo hướng dẫn tại Điều 5 và Điều 7 của Thông tư 91.

#### Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu và dự kiến sẽ sở hữu theo cam kết bảo lãnh phát hành biến động theo chiều hướng bất lợi. Giá trị rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 91 như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = \text{Vị thế ròng} \times \text{Giá tài sản} \times \text{Hệ số rủi ro thị trường}$$

#### Vị thế ròng

Vị thế ròng đối với một chứng khoán tại một thời điểm là số lượng chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ, sau khi điều chỉnh giảm số chứng khoán cho vay, số chứng khoán được phòng ngừa bởi chứng quyền bán, hợp đồng tương lai và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty không xác định giá trị rủi ro thị trường cho các chứng khoán, tài sản sau:

- Cổ phiếu quỹ;
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có liên quan với Công ty;
- Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo;
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.
- Chứng khoán đã được phòng ngừa rủi ro bởi chứng quyền bán hoặc hợp đồng tương lai; Chứng quyền bán và hợp đồng quyền bán được sử dụng để phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở.

#### Giá tài sản

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc định giá được quy định tại Thông tư 91 như sau:

IN  
TE  
M  
HP

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tài khoản tại ngày tính toán
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tính tại ngày tính toán
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tới ngày tính toán
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến ngày tính toán
<b>Trái phiếu</b>		
5.	Trái phiếu niêm yết	<p>- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán của giao dịch thông thường tại ngày giao dịch gần nhất cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>
6.	Trái phiếu không niêm yết	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn, cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá mua cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</p> <p>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán, bao gồm cả lãi lũy kế.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá yết (nếu có), Giá mua cộng lãi lũy kế, Mệnh giá cộng lãi lũy kế, Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế).</p>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Cổ phiếu		
7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ)</p>
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
9.	Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> <li>+ Giá mua;</li> <li>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</li> </ul> </li> </ul> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá từ các báo giá;</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất;</li> </ul> </li> </ul>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

		<p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá mua;</p> <p>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá từ các báo giá, Giá của kỳ báo cáo gần nhất, Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p>
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Mệnh giá;</p> <p>+ Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Mệnh giá, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).</p>
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó (giá cổ phiếu được chia do tổ chức giải thể, phá sản công bố hoặc giá trị sổ sách) tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất, hoặc giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<p>Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau:</p> <p>+ Giá trị sổ sách;</p> <p>+ Giá mua/giá trị vốn góp;</p> <p>+ Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.</p> <p>Tức là:</p> <p>Max (Giá trị sổ sách, Giá mua/giá trị vốn góp, Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán).</p>
<b>Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán</b>		
14.	Quỹ đóng đại chúng/Quỹ ETF	<p>- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;</p> <p>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán là: NAV/1CCQ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.</p>
15.	Quỹ thành viên/Quỹ mở/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ	Giá trị tài sản ròng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán
16.	Các trường hợp khác	Theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
<b>Tài sản cố định</b>		
17.	Quyền sử dụng đất	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

18.	Nhà cửa/vật kiến trúc bao gồm cả các hạng mục xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn/Chi phí xây dựng cơ bản dở dang lũy kế
19.	Các trang thiết bị, máy móc, phương tiện...	Giá trị còn lại của tài sản
20.	Các tài sản cố định khác	Giá trị được xác định bởi tổ chức định giá độc lập do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn.
<b>Chứng khoán khác</b>		
21	Chứng quyền có đảm bảo do tổ chức kinh doanh chứng khoán khác phát hành	- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Giá mua (nếu chứng quyền có bảo đảm chưa niêm yết).
22	Cổ phiếu niêm yết trên thị trường nước ngoài	- Giá (theo đồng ngoại tệ) x tỷ giá chuyển đổi sang đồng tại ngày tính toán - Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: + Giá trị sổ sách; + Giá mua; + Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.  Tức là: Max (Giá trị sổ sách, Giá mua, Giá xác định theo phương pháp nội bộ).

**Hệ số rủi ro thị trường**

Hệ số rủi ro thị trường được xác định cho từng khoản mục tài sản theo quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

**Giá trị rủi ro thị trường tăng thêm**

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định theo quy định trên đây sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp tổ chức kinh doanh chứng khoán đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh. Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán;

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị của khoản đầu tư này chiếm từ trên 25% trở lên Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi của chứng khoán (nếu có) hoặc có lãi cho vay của tiền gửi và các khoản tương đương tiền, công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá được điều chỉnh tăng thêm vào giá trị tài sản khi xác định rủi ro thị trường.

Giá trị rủi ro thị trường đối với số chứng khoán chưa phân phối hết trong thời gian phân phối và có giá giao dịch thấp hơn giá bảo lãnh phát hành từ các hợp đồng bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thị trường} = (Q_0 \times P_0 - V_c) \times R \times \left( r + \frac{(P_0 - P_1)}{P_0} \times 100\% \right)$$

Trong đó:

$Q_0$ : là số chứng khoán còn lại chưa phân phối hoặc đã phân phối nhưng chưa nhận thanh toán

$P_0$ : là giá bảo lãnh phát hành

$V_c$ : là giá trị tài sản bảo đảm (nếu có)

$R$ : là hệ số rủi ro phát hành

$r$ : là hệ số rủi ro thị trường

$P_1$ : là giá giao dịch

#### **Giá trị rủi ro thanh toán**

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết. Giá trị rủi ro thanh toán được xác định khi kết thúc ngày giao dịch của các hợp đồng, giao dịch như sau:

Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng được xác định như sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Nguyên tắc xác định rủi ro thanh toán trước thời hạn trên đây được áp dụng cho các hợp đồng sau đây:

- Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác;
- Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật;
- Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính;
- Các khoản phải thu khách hàng trong hoạt động kinh doanh chứng khoán;
- Các khoản phải thu trái phiếu đã đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán;



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kể cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán;
- Các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC).

Đối với các khoản phải thu quá hạn, chứng khoán chưa nhận chuyển giao đúng hạn, kể cả chứng khoán, tiền chưa nhận được từ các hợp đồng nói trên, giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn được xác định theo nguyên tắc sau:

$$\text{Giá trị rủi ro thanh toán quá thời hạn thanh toán} = \text{Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian} \times \text{Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán}$$

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác được quy định tại Thông tư 91 như sau:

STT	Đối tác thanh toán cho tổ chức kinh doanh chứng khoán	Hệ số rủi ro thanh toán
1.	Chính phủ, các tổ chức phát hành được Chính phủ bảo lãnh, và Ngân hàng Trung ương các nước thuộc khối OECD; Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0%
2.	Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	0,8%
3.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ở các nước thuộc khối OECD và có hệ số tín nhiệm đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	3,2%
4.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập ngoài các nước OECD; hoặc thành lập tại các nước thuộc khối OECD và không đáp ứng các điều kiện khác theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán	4,8%
5.	Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam	6%
6.	Các tổ chức, cá nhân khác	8%

Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian được quy định tại Thông tư 91 như sau:

STT	Thời gian quá hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	Hệ số rủi ro
1.	0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%
4.	Từ 60 ngày trở lên sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán theo quy định về chứng khoán phái sinh (đối với chứng khoán phái sinh) là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

**Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giá trị khoản cho vay, giá trị hợp đồng, giá trị giao dịch cộng với các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi (đối với chứng khoán) hoặc lãi tiền gửi, lãi cho vay, khoản phụ phí khác (đối với khoản tín dụng).
2.	Cho vay chứng khoán	Max {Giá trị thị trường của hợp đồng - Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có),0}
3.	Vay chứng khoán	Max {Giá trị tài sản đảm bảo - Giá trị thị trường của hợp đồng,0}
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	Max {Giá trị hợp đồng tính theo giá mua - Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - hệ số rủi ro thị trường),0}
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	Max {Giá trị thị trường của hợp đồng x (1 - hệ số rủi ro thị trường) - Giá trị hợp đồng tính theo giá bán,0}
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	Max {Số dư nợ - Giá trị tài sản đảm bảo,0}

Số dư nợ bao gồm giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

**Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán**

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
<b>A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong hoạt động môi giới)</b>		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá trị thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá trị thị trường cao hơn Giá giao dịch)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE  
THUYẾT MINH BẢO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

<b>B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc khách hàng của tổ chức kinh doanh chứng khoán)</b>		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n ngày theo thỏa thuận của hai bên).

*Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn: là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).*

**Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán**

Công ty được điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Thông tư 91 trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Tổ chức kinh doanh chứng khoán có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản bảo đảm được giảm trừ được xác định như sau:

$$\text{Giá trị tài sản bảo đảm} = \text{Khối lượng tài sản} \times \text{Giá tài sản} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})$$

Giá tài sản được xác định theo nguyên tắc quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số 3.

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo quy định của Thông tư 91 được trình bày ở Thuyết minh số 4.

**Giá trị rủi ro thanh toán tăng thêm**

Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) chiếm từ trên 10% tới 15% Vốn chủ sở hữu;

- b) Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) chiếm từ trên 15% tới 25% Vốn chủ sở hữu;
- c) Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị khoản cho vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có) hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có) chiếm từ trên 25% Vốn chủ sở hữu trở lên.

**Giá trị rủi ro hoạt động**

*Giá trị rủi ro hoạt động*: là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định là giá trị lớn nhất của các giá trị sau: 25% chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới thời điểm tính toán, 20% vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Chi phí duy trì hoạt động của tổ chức kinh doanh chứng khoán được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong năm, trừ đi:

- a) Chi phí khấu hao;
- b) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính ngắn hạn và tài sản thế chấp;
- c) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn;
- d) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu;
- e) Chi phí hoặc hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản ngắn hạn khác;
- f) Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- g) Chi phí lãi vay.

11  
N  
N  
O  
T  
A

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**4. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Đơn vị: VND

Các hạng mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)=(1)x(2)
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		<b>763.289.275.320</b>	<b>-</b>
1.	Tiền mặt (VND)	0%	147.556.781.512	-
2.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	615.732.493.808	-
<b>II.</b>	<b>Trái phiếu tổ chức tín dụng</b>		<b>61.392.979.346</b>	<b>9.208.946.902</b>
3.	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	61.392.979.346	9.208.946.902
<b>III.</b>	<b>Trái phiếu doanh nghiệp</b>		<b>69.697.949.458</b>	<b>11.675.313.300</b>
4.	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			
4.1.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	15.901.971.704	1.272.157.736
5.	Trái phiếu doanh nghiệp không niêm yết			
5.1.	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	30.458.388.750	4.568.758.313
5.2.	Trái phiếu không niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	23.337.589.004	5.834.397.251
<b>IV.</b>	<b>Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>		<b>11.889.915</b>	<b>3.165.126</b>
6.	Chứng khoán niêm yết bị kiểm soát	25%	10.605.600	2.651.400
7.	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	40%	1.284.315	513.726
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV)</b>				<b>20.887.425.328</b>

**5. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN**

	Giá trị rủi ro VND
Rủi ro trước thời hạn thanh toán (Thuyết minh 5.1)	36.943.949.629
Rủi ro tăng thêm (Thuyết minh 5.2)	3.631.758.912
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>	<b>40.575.708.541</b>

**5.1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

	Giá trị rủi ro VND	Tổng giá trị rủi ro VND
Hệ số rủi ro	6%	
Loại hình giao dịch	(5)	
1 Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	615.732.493.808	36.943.949.629
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>		<b>36.943.949.629</b>

(5) Tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh doanh chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**5.2. Rủi ro tăng thêm**

STT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro
			VND	VND	VND
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	20%	18.158.794.560		3.631.758.912
<b>TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM</b>					<b>3.631.758.912</b>

**6. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG**

	Giá trị VND
<b>I. Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng</b>	<b>223.106.388.501</b>
<b>II. Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí</b>	<b>61.478.573.786</b>
1. Chi phí khấu hao	13.472.120.608
2. Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	22.869.583
3. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	17.050
4. Chi phí lãi vay	47.983.566.545
<b>III. Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I – II)</b>	<b>161.627.814.715</b>
<b>IV. 25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)</b>	<b>40.406.953.679</b>
<b>V. 20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của công ty chứng khoán</b>	<b>50.000.000.000</b>
<b>C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})</b>	<b>50.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PINETREE**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**7. VỐN KHẢ DỤNG**


Đơn vị: VND

STT Nội dung	Vốn khả dụng		
	Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A. Vốn chủ sở hữu</b>			
1. Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	970.000.000.000	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	510.000.000.000	-	-
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	1.321.976.000	-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.831.627.171	-	-
<b>1A. Tổng</b>	<b>1.500.153.603.171</b>	-	-
<b>B. Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I. Tài sản tài chính</b>			
1. Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	13.672.465.759	-
<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	7.280.403.123	-
2. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	103.095.250	-
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	1.612.795.442	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	-	674.855.000	-
<b>1B. Tổng</b>	-	<b>23.343.614.574</b>	-
<b>C. Tài sản dài hạn</b>			
<b>I. Tài sản cố định</b>	-	<b>48.126.528.061</b>	-
<b>II. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	-	<b>399.000.000</b>	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>			
1. Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ dài hạn	-	1.248.486.840	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	-	1.766.219.797	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	-	11.928.837.960	-
<b>1C. Tổng</b>	-	<b>63.469.072.658</b>	-
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A-1B-1C</b>	<b>1.413.340.915.939</b>		

  
 Đinh Thị Lan Phương  
 Kế toán trưởng

  
 Phan Thị Phương Thủy  
 Trưởng bộ phận  
 Kiểm soát nội bộ



  
 Lee Jun Hyuck  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024